TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 12/7/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-DS ngày 26/6/2018, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Phạm Mỹ A, sinh năm 1981;
Địa chỉ: số 177/12, ấp An Hiệp, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh Hoan Hỹ, sinh năm 1974;
Địa chỉ: số 18/13 – QL 1A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2/. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

3/. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Văn Bé H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Mỹ A ủy quyền cho anh Trần Minh Hoan H trình bày:

Chị Mỹ A và chị N cùng buôn bán chung ở chợ Hàn Thẻ huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vào ngày 10/9/2017 chị N đến nhà chị Mỹ A hỏi vay số tiền là 20.000.000 đồng để bổ sung vốn buôn bán, chị Mỹ A đã cho chị N vay 20.000.000 đồng, không có làm biên nhận nhưng có thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 400.000 đồng, trong vòng 51 ngày. Sau đó 03 ngày tức vào ngày 13/9/2017 thì chị N hỏi mượn thêm 50.000.000 đồng. Do lần đầu đã cho chị N vay 20.000.000 đồng mà không làm biên nhận nên đến lần này chị N vay thêm 50.000.000 đồng thì chị Mỹ A yêu cầu chị N làm biên nhận chung cho 02 lần vay với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, biên nhận đề ngày 13/9/2017 và chị N đồng ý viết biên nhận theo yêu cầu chị Mỹ A, hai bên thỏa thuận riêng là góp mỗi ngày là 2.400.000 đồng trong vòng 30 ngày nhưng ngày thứ 30 là 1.800.000 đồng, góp cả vốn và lãi.

Sau khi vay, chị N có trả được 02 lần, tổng cộng là 10.100.000 đồng tiền vốn vay. Chị N trả lần đầu 5.100.000 đồng vào ngày nào chị Mỹ A không nhớ nhưng lần thứ hai trả 5.000.000 đồng vào ngày 4/10/2017. Sau đó chị N không trả nợ mà cố tình tránh né, đến ngày 08/10/2017 thì chị Mỹ A có đến tiệm của chị N để hỏi thăm về chị N thì chồng chị N là anh Bé H có nói là chị N đã bỏ nhà đi đâu không biết. Sau khi chị Mỹ A trình bày việc chị N có vay số tiền 70.000.000 đồng thì anh Bé H có nói cứ yên tâm đi để từ từ anh Bé H sẽ trả.

Nay chị Mỹ A yêu cầu chị N và anh Bé H cùng liên đới trả lại số tiền vốn là 59.900.000 đồng và tiền lãi là 4.474.000 đồng (làm tròn), theo mức lãi 0.83%/tháng

kể từ ngày 04/10/2017 đến ngày xét xử, làm tròn là 09 tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 64.374.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung Tờ tường trình nộp cho Tòa án ngày 21/12/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2017 cùng với các buổi hòa giải chị N trình bày:

Chị N có vay của chị Mỹ A số tiền 20.000.000 đồng để bổ sung vốn buôn bán vào ngày 04/6/2017 (âm lịch) chị đã đóng lãi cho chị Mỹ A mỗi ngày 200.000 đồng với lãi suất là 30%/ tháng, chị đã đóng lãi từ ngày 05/6/2017 (âl) đến ngày 11/8/2017 (âl) với số tiền là 9.200.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 24/7/2017(âl) chị có vay thêm của chị Mỹ A số tiền 50.000.000 đồng góp mỗi ngày là 1.500.000 đồng, góp trong vòng 40 ngày với tổng số tiền 60.000.000 đồng là xong, chị đã góp được 16 ngày từ ngày 24/7/2017(âl) đến ngày 11/8/2017 (âl) với số tiền là 24.000.000 đồng. Khi vay và góp không có làm biên nhận nhưng có ký vào sổ theo dõi do chị Mỹ A quản lý. Ngày 13/9/2017(Dương lịch) theo yêu cầu của chị Mỹ A, chị N có viết giấy biên nhận vay tiền chị Mỹ A số tiền 70.000.000 đồng, đây là tổng cộng tiền vốn của 02 lần vay nêu trên. Do không có giấy tờ chứng minh cho việc có trả tiền góp nên nên chị N đồng ý trả nợ vay cho chị Mỹ A với số tiền tổng cộng là 46.000.000 đồng, do trừ 24.000.000 đồng đã góp cho chị Mỹ A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Bé H vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại các buổi hòa giải, anh Bé H trình bày: anh và chị N là vợ chồng, anh chị cùng buôn bán chung tại chợ Hàn Thẻ, việc chị N vay tiền của chị Mỹ A lúc đầu anh Bé H không biết đến khi chi Mỹ A đến đòi nợ thì anh mới biết, tuy nhiên do là vợ chồng với nhau cho nên anh Bé H đồng ý liên đới với chị N trả cho chị Mỹ A số tiền là 46.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo Giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là vi phạm quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội dồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Bé H liên đới trả cho chị Mỹ A số tiền còn nợ là 64.374.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) trong đó vốn là 59.900.000 đồng và lãi là 4.474.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017 chị Phạm Mỹ A tranh chấp dân sự về hợp đồng vay đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Đỗ Văn Bé H có cùng địa chỉ ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xác định chị Phạm Mỹ A là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc N là bị đơn và anh Đỗ Văn Bé H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Việc khởi kiện còn trong thời hiệu; Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Xét sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Đỗ Văn Bé H, là bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lí do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt chị N và anh Bé H là phù hợp Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn chị Phạm Mỹ A và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Mỹ A yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Bé H liên đới trả cho chị Mỹ A số tiền còn thiếu là 64.374.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) trong đó vốn là 59.900.000 đồng và lãi là 4.474.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy. Việc chi N vay tiền của chị Mỹ A là sự tự nguyện và không bị ai ép buộc, chị Mỹ A và chị N có lời khai thống nhất và phù hợp với biên nhận về việc mượn tiền mặt đề ngày 13/9/2017 do chị Mỹ A cung cấp, xác định chị N có vay tiền của chị Mỹ A 02 lần với tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng (lần thứ nhất vay 20.000.000 đồng và lần thứ hai vay 50.000.000 đồng). Chị Mỹ A thừa nhận trong quá trình vay chị N đã thực hiện trả cho chị Mỹ A số tiền vốn 10.100.000 đồng và còn nợ lại số tiền 59.900.000 đồng. Chị N không đồng ý và trình bày có trả được 24.000.000 đồng vốn theo hình thức góp hàng ngày, nhưng chị không có chứng cứ hay giấy tờ gì của cơ quan có thẩm quyền để chứng minh. Nay chị Mỹ A yêu cầu chị N trả cho chị Mỹ A số tiền vốn vay là 59.900.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì bên bị đơn chị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bé Hai không đồng ý vì cho rằng chị N đã thực hiện trả nợ lãi và một phần vốn rồi, tuy nhiên phía chị N và anh Bé Hai không có chứng cứ gì để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, do các bên không có chứng cứ gì chứng minh về mức lãi suất mà các bên đã trình bày và có tranh chấp về lãi nên áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm cho vay để xác định mức lãi, cụ thể :

Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ,

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Theo đó số tiền lãi tính theo yêu cầu của nguyên đơn là 4.474.000.000 đồng (làm tròn) đối với thời gian 09 tháng, tính ra mức lãi là 0,83% mỗi tháng là phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm cho vay, nên cần chấp nhận.

Theo nội dung trình bày tại các phiên hòa giải, anh Bé H đồng ý liên đới với chị N trả nợ cho chị Mỹ A, ngoài ra tại thời điểm vay anh, chị là vợ chồng do đó, có cơ sở xác định trách nhiệm liên đới của anh Bé Hai và chị N trong nghĩa vụ trả nợ cho chị Mỹ A.

Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình..."*.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và yêu cầu khởi kiện của chị Mỹ A là buộc chị N và anh Bé H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 64.374.000 đồng, gồm vốn là 59.900.000 đồng và lãi là 4.474.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị N và anh Bé H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Mỹ A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" với chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Đỗ Văn Bé H.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Đỗ Văn Bé H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Mỹ A số tiền còn nợ là 64.374.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Đỗ Văn Bé H phải chịu 3.218.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phạm Mỹ A 1.530.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Mỹ A đã nộp theo Biên lai thu số 12424 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong